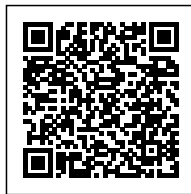


HAI BÀI THƠ XUÂN CỦA TỔ TRÚC LÂM



Tác giả: **Cư sĩ Nguyễn Đức Sinh** – Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Mỗi khi xuân về, sắc xuân hòa quện với đất trời làm cho lòng người rạo rực. Đứng trước mùa xuân, mọi vật dường như hoá thân đổi khác. Chính vì sự hoá thân chuyển dịch ấy của vũ trụ mà mùa xuân đến với mỗi quốc gia, dân tộc và tâm hồn con người đều mang những sắc thái, cảm niệm và bản chất riêng biệt. "*Xuân khứ, xuân lai*".

Trước khi tìm hiểu và cảm nhận về hai bài thơ Xuân vãn và Tức cảnh ngày xuân của Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông và Đệ tam tổ Huyền Quang, chúng ta cùng tìm hiểu đôi nét về hai vị tổ của thiền phái Trúc Lâm.

Điều Ngự Giác Hoàng (Trần Nhân Tông) vị Sơ tổ sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, sinh ngày 11 tháng 11 năm Mậu Ngọ (1258). Năm 21 tuổi lên ngôi Hoàng đế, ở ngôi 14 năm thực

hiện thành công hai cuộc chống giặc Nguyên-Mông giữ yên bờ cõi Đại Việt (1288-1293). Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, xuất gia tu hành vào Yên Tử tháng 8 năm 1299. Sinh thời Trần Nhân Tông am tường tất cả các sách (nội điển và ngoại điển) như: thơ, văn, triết học, giáo lý đạo Phật... Những tác phẩm giá trị của Ngài còn để lại tới ngày nay, đó là Trần Nhân Tông thi tập, Hải án thi tập, Thạch thất my ngữ, Tăng già toái sự, Trung hưng thực lục và một số tác phẩm ngoại điển khác.



Theo các nhà nghiên cứu sử học và văn học, Trần Nhân Tông là nhà thơ có phong cách kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự rất tinh tế; về hình thức thì thi tứ không cầu kỳ mà bình dị đơn sơ nhưng nội dung rất uyên bác. Đặc biệt là ở trong các bài viết, nói về giáo lý đạo Phật và một số bài thơ đề cập về thế sự của Ngài ta thấy toát lên lòng yêu dân, yêu cuộc sống, có tầm cỡ lớn khó có thể so sánh. Nói đến Trần Nhân Tông, người Việt ta không ai là không nhớ hai câu thơ nổi tiếng:

*"Xã tắc hai phen chồn ngựa đá
Non sông muôn thuở vững âu vàng"*

Đây là hai câu thơ tổng kết quá trình chiến thắng vĩ đại, ghi lại chiến công hiển hách của hai cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên-Mông đầy khí phách của quân dân Đại Việt, khi đưa bọn tù binh đọc trước lăng Trần Thái Tông tức (ông nội) của Trần Nhân Tông.

Đọc hai câu thơ trên, ta thấy hồn thơ đầy cảm khái khí phách. Đây là những câu thơ viết khi Trần Nhân Tông còn tại vị. Đến khi xuất gia tu hành, Sơ tổ Trúc Lâm Điều ngự Giác Hoàng nói về xuân lại thấm đậm và sâu thẳm lẽ đời, lẽ đạo qua góc nhìn vi tế, thâm hậu của pháp môn thiền nhập thế thanh tịnh qua bài *"Xuân văn"* mà chúng ta cùng tìm hiểu dưới đây:

Xuân vãn

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông Hoàng Điện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụy hồng.

Cuối xuân

"Thử bé chưa từng rõ sắc không
Xuân về hoa nở rộ trong lòng
Chúa xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trái giường thiền ngấm cánh hồng"

Ngô Tất Tố dịch

Theo các nhà nghiên cứu Phật giáo cho rằng, bài này những người mộ đạo coi đây là bài thơ tâm đắc. Bởi nó phản ánh được cái triết lý, hay nói đúng hơn là cái Chân như của đạo Phật.

Ta thử đọc câu thứ nhất của bài:

"Thử bé chưa từng rõ sắc không"

Câu này ý nói lúc còn nhỏ, thời niên thiếu ở trong ngôi vị sang trọng của một Hoàng tử chưa thấm đạo lý, mỗi lần xuân về hương sắc đua nở nên: "Xuân về hoa nở rộ trong lòng". Sắc hương, hương sắc đã quện cả tâm hồn ông Hoàng trẻ tuổi, và hương sắc mùa xuân ấy đã cùng người làm thốn thức bao nhiêu cảnh vật xa lạ, bao sự mong ước gửi gắm vào mùa xuân.

Nhưng khi tìm thấy được Đạo rồi, cởi bỏ mọi danh vọng sắc tài của trần thế. Trần Nhân Tông bước chân vào cửa Thiền. Chính tác giả đã khám phá được quy luật vũ trụ vô vi, thấy được mặt thật xưa nay của chính mình trong cái quy luật vô thường sinh diệt của tạo hóa (qua góc nhìn minh triết của Phật giáo). Và điều này được nói tới ở câu thứ ba của bài:

"Chúa xuân nay bị ta khám phá"

Chúa xuân ở đây theo Hòa thượng Thích Thanh Từ là chữ Đông Hoàng Điện, chỉ vị thần của mùa xuân, nhưng nói chúa xuân thì nghe rõ hơn. Chúa xuân ở đây không phải là vị thần ở bên ngoài mà để chỉ tâm chân thật của chính mình, và nay mình đã nhận được ra nó, nên tâm hồn không còn đua nở lay động theo hoa và bị lôi cuốn lạc chạy như trước nữa; và thay vào đó, là sự an nhiên tự tại của người đạt đạo, không còn cái chấp trước giả tạm của tam giới ràng buộc, khi người tu đã chạm tới hương vị giải thoát, nên câu thứ tư và cũng là câu kết của bài thơ tỏ thái độ ung dung, tự tại:

"Chiếu trái giường thiền ngấm cánh hồng".

Đến câu thứ tư của bài chúng ta thấy, chiếu trái giường thiền ngấm cánh hồng, chứ không phải ngấm cánh đào, (một thứ hoa đại diện cho mùa xuân). Bởi vì hoa hồng hay hoa đào nó cũng nở, cũng tàn theo quy luật của vô thường. Cái hay theo thiển nghĩ của người viết bài này là mùa xuân, mà lại ngồi ở giường thiền ngấm cánh hồng chứ không phải là ngấm hoa đào hay

hoa mai theo quy luật thông thường mà chúng ta vẫn thấy ở xuân cảnh cuộc đời. Phải chăng người đến với Đạo là nhập vào dòng nghịch lưu với thế gian. Người đạt Đạo, tâm đã định rồi thì làm sao phải vui buồn theo cái hữu hạn khi dòng thời gian luôn cuộn trôi, hiện tượng trong không gian luôn chuyển mình sinh diệt. Song dưới con mắt Thiền sư vẫn thấy được những điều gì đó hiện hữu thoát ngoài luật sinh diệt của thời gian...

Xét về mặt hình thức thì ai cũng như ai, nhưng trong lòng thì khi mê khi tỉnh có khác nhau. Bởi vậy mà có nhà thơ viết: *"Chính cả lòng ta cũng khác ta"*. Đó là để nói khi con người tâm hồn chưa *"định"*, hay nói đúng hơn là chưa hiểu đạo - thấy cuộc đời lúc vui, lúc buồn như cánh hoa lúc nở - lúc tàn. Và khi hiểu đạo rồi lại thấy an nhiên tự tại không bị cảnh lôi kéo tác động. Bởi khi đã nhìn ra quy luật vô thường. Quy luật này chỉ thấy được khi *"biện tâm"* kiến tính tĩnh thức - do thiền Thanh tịnh (*) đem lại. Đó là bài *"Xuân vãn"* của Sơ tổ Phật Hoàng Trần Nhân Tông muốn gửi gắm cái lý của Đạo pháp đến với chúng ta.

Khác với bài *"Xuân vãn"* của Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông mà chúng ta vừa đề cập, bài *"Tức cảnh ngày xuân"* của thiền sư Huyền Quang - Đề tam tổ thiền phái Trúc Lâm lại không lấy cái tôi *"Chúa xuân nay bị ta khám phá"* như Sơ tổ Điều ngự rút ra từ bản thân mình, mà thông qua người khác, cảnh khác để tải đạo.

Trước khi đến với bài thơ *"Tức cảnh ngày xuân"* của tổ Huyền Quang, chúng ta cùng nhau điểm qua đôi nét về tác giả: thiền sư Đề tam tổ Trúc Lâm Huyền Quang có tên tục là Lý Đạo Tái, sinh năm Giáp Dần 1254, đời vua Trần Thánh Tông, ông thi đỗ Tiến sĩ (Trạng Nguyên) lúc ấy là 21 tuổi, Có lần tiếp sứ Trung Hoa, văn chương ngôn ngữ của ông vượt hơn sứ Trung Hoa khiến họ phải kính nể. Sau khi thi đỗ nhà vua phong chức, nhưng mấy phen ông dâng biểu xin từ chức để xuất gia tu hành. Khi xuất gia thọ giới tại chùa Vĩnh Nghiêm lúc này thiền sư trên 50 tuổi theo làm thị giả Điều Ngự Giác Hoàng với pháp hiệu là Huyền Quang.

Đương thời Huyền Quang thơ phú để lại nhiều cho hậu thế. Tuy nhiên vào (thời nhà Minh sách bị thiêu hủy khá nhiều), nhưng với thơ của Huyền Quang tôn giả trong Tam tổ thực lục vẫn còn sót lại đáng kể. Nhân dịp đầu xuân ở đây chỉ xin đề cập đến bài *"Tức cảnh ngày xuân"* của thiền sư, và chúng ta thử xem tác giả nói về mùa xuân như thế nào?

Dưới đây là nội dung của bài thơ vừa nêu:

*"Nhị bát giai nhân thích tú trì ,
Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly.
Khả liên vô hạn thương xuân ý,
Tận tại đình châm bất ngữ thì"*

Hòa thượng Thích Thanh Từ dịch:

*"Thêu gấm thưa tay dáng mỹ nhân,
Lưu lo oanh hót khóm hoa gần.
Đáng thương vô hạn, thương xuân ý,
Chỉ tại dừng kim, chẳng mở lời".*

Bài thơ này khi đọc bị nhiều người cho rằng, là một thiền sư lại làm thơ quá dồi dào tình cảm đến thế, theo thiền sư Thích Thanh Từ khi đề cập về bài thơ này trong cuốn (Trúc lâm Tam tổ) Hoà thượng cũng cho rằng, đúng như câu đầu của bài thơ là thế, chất trữ tình đó bộc lộ đúng là quá dồi dào rõ nét:

"Nhị bát giai nhân thích tú trì"

Nhị bát là hai lần tám, tức là mười sáu. Cô gái đẹp 16 tuổi ngồi thêu nên nói: *"Thêu gấm thưa tay đáng mỹ nhân"*. Câu thứ hai *"Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly"*. Hoàng ly là chim oanh. Tử kinh là hoa tử kinh. *"Lúu lo oanh hót khóm hoa gần"*. Một mỹ nữ đang thêu gấm, ngoài kia chim hoàng oanh hót dưới một khóm hoa tử kinh nở. Thật là một cảnh đẹp biết đường nào..!

Và đến câu thứ ba *"Khả liên vô hạn thương xuân ý"*. Đáng thương vô hạn thương xuân ý, rất là thương, thương xuân ý, thương đến nỗi..? *"Tận tại đình châm bất ngữ thì"*: *"Chỉ tại dừng kim chẳng mở lời"*. Người đọc thấy thiền sư thương cô gái quá! Nhưng không ngờ câu thơ cuối: chỉ dấu sâu mầu của của đạo là ở *"Chỗ dừng kim"* không còn thêu, không còn nói. Thương rất là thương ở chỗ đó...(?!)

Vậy tâm trạng của tác giả bài này như thế nào? Huyền Quang diễn tả người đẹp, cảnh đẹp và lòng mình thương dào dạt. Nhưng là thương ở chỗ *"dừng kim"*, thương ở chỗ không mở lời. Tới đây ta liên hệ tới : trong kinh Nam Tông có giảng Niết- bàn là không đan dệt. Thế gian cứ đan dệt tội lỗi, nghiệp càng ngày càng dày. Còn Niết bàn là dừng hết sự đan dệt tức là dừng nghiệp. Nói dừng kim ở đây là dừng đan dệt, mới manh loạn nghịch theo (lý đạo).

Ở đây Huyền Quang thiền sư muốn người tu hành phải đạt đến chỗ không còn đan dệt mới manh, không còn đối đãi sai biệt thị phi, không còn nghiệp sinh tử - đến chứng quả vô sinh (vô sinh: theo đạo Phật là không còn luân hồi, đã chứng quả giác ngộ tối hậu). Thế nên ở bài này, theo sư ông Trúc lâm Thanh Từ cho rằng cái thích nhất và quý nhất là ở chỗ không còn đan dệt, như vậy cũng tức là dừng kim. Cứu cánh của thiền sư là ở chỗ không mở lời, bởi còn mở lời thì ngôn ngữ vẫn nằm trong đối đãi sinh diệt luân hồi. Đó là điểm hướng tới của người tu hành, chứ không phải ở câu chữ thích mỹ nhân, thích hoa, hay thích chim hoàng oanh hót. Cái chủ đạo ở đây là thích ở chỗ dừng kim, không đan dệt nghiệp, không còn lời. Đó là ý tại, ngôn ngoại và là sự sâu lắng thanh tịnh ở cõi tâm, mà nội dung bài thơ đề cập. Nhưng về hình thức ta thấy bài thơ của (Trạng nguyên) Huyền Quang tôn giả vẫn chứa đựng nét xuân của cuộc đời mà không bị khiên cưỡng lý thuyết về đạo lý. Đây là chỗ tài tình và vẻ đẹp trong những áng thơ thiền của người xưa.

Nhân dịp đầu xuân, đến với hai bài thơ: Cuối xuân và Túc cảnh ngày xuân của Sơ Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông và Đệ tam tổ Huyền Quang. Chúng ta suy ngẫm về Đạo, về Đời qua bút pháp sâu lắng giàu tính nhân văn, triết học Phật giáo mà cha ông ta đã trao truyền gửi gắm.

Tác giả: **Cư sĩ Nguyễn Đức Sinh** – Tp. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

Chú thích: () Thiền Thanh tịnh còn có tên khác là Như Lai Thanh tịnh thiền, và sau gọi tóm là*

Thiền tông. Đây là pháp môn thiền tối thượng thừa, đức Phật Thích Ca Văn dạy vào 4 năm cuối trước khi nhập diệt.